ỦY BAN NHÂN DÂN **XÃ TIÊN HOA**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 916/QĐ-UBND	*Tiên Hoa, ngày 07 tháng 9 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt dự án 05 đoạn đường xã Tiên Hoa

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ TIÊN HOA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Xây dựng số 135/2025/QH15 ngày 10 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 207/2026/NĐ-CP ngày 15/6/2026 quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng; số 206/2026/NĐ-CP ngày 15/6/2026 quy định về quản lý chi phí đầu tư xây dựng; số 217/2026/NĐ-CP ngày 19/6/2026 quy định chi tiết một số điều của Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng; số 85/2025/NĐ-CP ngày 08/4/2025 về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công; số 275/2025/NĐ-CP ngày 18/10/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 85/2025/NĐ-CP; số 140/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng; số 144/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ các Thông tư của Bộ Xây dựng: số 32/2026/TT-BXD ngày 22/6/2026 về việc quy định chi tiết một số điều của nghị định số 207/2026/NĐ-CP ngày 15 tháng 6 năm 2026 của chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Xây dựng về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng; số 33/2026/TT-BXD ngày 25/6/2026 về việc quy định chi tiết một số nội dung về đánh giá an toàn công trình trong quá trình khai thác, sử dụng đối với các công trình thuộc thẩm quyền quản lý của bộ xây dựng; số 34/2026/TT-BXD ngày 25/6/2026 về việc quy định chi tiết về cấp công trình xây dựng phục vụ quản lý hoạt động xây dựng; số 36/2026/TT-BXD ngày 26/6/2026 về việc Hướng dẫn một số nội dung, phương pháp xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng; số 37/2026/TT- BXD ngày 26/6/2026 về việc hướng dẫn phương pháp xác định định mức dự toán và các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật; số 38/2026/TT- BXD ngày 26/6/2026 về Ban hành định mức xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 38/2026/QĐ-UBND ngày 09/7/2026 của UBND tỉnh Hưng Yên Ban hành Quy định phân cấp, phân công nhiệm vụ trong hoạt động xây dựng trên địa bàn tỉnh Hưng Yên;

Căn cứ Quyết định số 882/QĐ-UBND ngày 25/12/2025 của UBND xã Tiên Hoa về việc giao chỉ tiêu kế hoạch nhà nước năm 2026;

Theo đề nghị của phòng Kinh tế tại Tờ trình số 127/TTr-KT ngày 25/8/2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt dự án 05 đoạn đường xã Tiên Hoa với những nội dung chủ yếu như sau:

1. Tên dự án: 05 đoạn đường xã Tiên Hoa.

2. Địa điểm xây dựng: xã Tiên Hoa, tỉnh Hưng Yên.

3. Người quyết định đầu tư: Chủ tich Ủy ban nhân dân xã Tiên Hoa.

4. Chủ đầu tư: Phòng Kinh tế xã Tiên Hoa.

5. Tổ chức tư vấn lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật, tổ chức thẩm tra Báo cáo Kinh tế - kỹ thuật xây dựng công trình:

- Tổ chức tư vấn lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật: Công ty TNHH tư vấn và xây dựng T89.

- Tổ chức tư vấn thẩm tra Báo cáo kinh tế - kỹ thuật: Công ty cổ phần tư vấn TDH.

6. Loại, nhóm dự án; loại, cấp công trình:

- Nhóm dự án: Nhóm C

- Loại, cấp công trình: Công trình giao thông, cấp IV.

7. Mục tiêu dự án: Đầu tư xây dựng tuyến đường để đảm bảo việc lưu thông hàng hóa, sản xuất nông nghiệp trên địa bàn phường, từng bước hoàn thiện cơ sở hạ tầng, tạo đà cho sự phát triển kinh tế xã hội của xã Tiên Hoa nói riêng và tỉnh Hưng Yên nói chung góp phần thay đổi diện mạo mới của xã, làm cho xã Tiên Hoa ngày càng giàu đẹp, văn minh hơn.

8. Quy mô đầu tư xây dựng và các giải pháp kỹ thuật chính:

8.1. Quy mô đầu tư:

- Phân loại dự án: Dự án nhóm C;
- Loại cấp công trình: Công trình giao thông; cấp IV;
- Cấp đường: Đường GTNT cấp B;
- Tải trọng trục thiết kế: 2,5 tấn/trục; Tốc độ tính toán: V.tt = 20km/h;
- Tuyến đường giao thông với chiều dài 268,43m;
- Mặt đường BT xi măng mác 250.

8.2. Các giải pháp kỹ thuật chủ yếu:

a) Bình đồ, hướng tuyến: Với mục tiêu tận dụng tối đa đường cũ để hạn chế thấp nhất tổng mức đầu tư và đảm bảo yêu cầu kỹ thuật và hạn chế giải phóng mặt bằng nên tim tuyến căn cứ theo tim đường hiện trạng và địa hình dọc 2 bên tuyến để tránh phải giải phóng mặt bằng.

b) Trắc dọc tuyến: Trắc dọc tuyến được thiết kế dựa trên các điểm khống chế cao độ điểm giao cắt đầu tuyến, cuối tuyến, cao độ nền của khu vực, kết hợp hài hoà giữa các yếu tố đường cong bằng và các yếu tố đường cong đứng, đảm

bảo các tiêu chuẩn thiết kế theo các quy phạm hiện hành, đảm bảo êm thuận trong quá trình vận hành xe và giảm thiểu khối lượng đào đắp cũng như khối lượng các công trình phụ trợ khác.

c) Trắc ngang tuyến:

- Nền đường: Bn = 4,0m.

- Mặt đường: Bm = 3,0m; độ dốc ngang mặt đường 2 mái i = 2%.

- Chiều rộng lề: B.lề = 2x0,5m = 1,0m (nếu có); độ dốc ngang i = 4%; ta luy đắp 1/1.5; ta luy đào 1/1; đắp đất đầm chặt K = 0.90.

d) Thiết kế nền đường:

- Những vị trí nền đường đắp cao: thiết kế vét hữu cơ 20cm; đào vét bùn sâu 30cm bên lấn ruộng và 50cm bên lấn mương.

- Những vị trí nền đường có độ dốc ngang tự nhiên ≥ 20% thiết kế đánh cấp bề rộng cấp 30cm trước khi đắp nền đường.

- Trên tuyến phần đường mở rộng, làm mới: Cần đào hết lớp đất đến đáy móng kết cấu áo đường, đảm bảo nền đường đầm chặt. Độ dốc mái taluy nền đường đào 1/1.

- Nền đắp: Sau khi dẫy cỏ, hữu cơ tại nhưng đoạn nền đắp trên nền thiên nhiên có độ dốc ≥ 20% và đắp nền phù hợp theo từng lớp. Độ dốc mái taluy nền đường đắp 1/1,25.

- Phần lề, taluy đường đắp đất k≥ 0,90.

- Đắp lớp đáy áo đường bằng cát đen đầm chặt K95.

e) Kết cấu mặt đường:

* Kết cấu mặt đường các lớp từ trên xuống:

+ Bê tông xi măng mác 250 đá 2x4 chiều dày 18cm;

+ Lớp nilong lót mặt đường

+ Lớp cát vàng tạo phẳng dày 3cm;

+ Móng cấp phối đá dăm loại II (CPĐD loại II) dày 16cm;

+ Lớp cát đen đầm chặt K=0,98, dày 30cm

+ Tôn nền cát đen đầm chặt K95 (nếu có).

f) Thoát nước:

- Thoát nước dọc: Thoát nước theo tự nhiên.

- Thoát nước ngang: Thiết kế 01 đoạn cống D800 ngang đường tại cọc D3-Km0+65,24 với chiều dài 4m và 01 đoạn cống D800 ngang đường tại coc 8.1-Km0+208.90 với chiều dài 4m.

+ Kết cấu cống D800: Móng cống đổ BTXM M150 đá 2x4 trên lớp đá dăm đệm 2x4 dày 10cm. Gia cố móng cống bằng cọc tre D6-8cm dài 2,0m với mật độ 25 cọc/m2. Ống cống sử dụng ống cống D800 tiêu chuẩn tải trọng tương đương HL.93 đốt dài 1m. Nối cống bằng phương pháp xảm. Xây tường đầu bằng đá hộc VXM M100. Móng tường đầu xây bằng đá hộc VXM M100 dày 50cm trên lớp đệm móng đá dăm 2x4 đày 10cm.

g. Các giải pháp thiết kế khác:

- Thiết kế tường chắn đá hộc loại I bên phải tuyến từ Km0+25,32 đến Km0+42,62, từ Km0+59,90 đến Km0+74,90, từ Km0+162,90 đến Km0+194,40 với tổng chiều dài 63,50m.

+ Kết cấu tường chắn đá hộc loại I: Móng tường chắn xây bằng đá hộc VXM M100 dày 60cm trên lớp đệm móng đá dăm 2x4 đày 10cm. Gia cố móng tường chắn bằng cọc tre D6-8cm dài 2,0m với mật độ 25 cọc/m2. Thân tường chắn xây bằng đá hộc VXM M100. Đỉnh tường chắn xây tường hộ lan bằng BTXM M200 đá 1x2. Sơn hộ lan bằng sơn phản quang.

- Thiết kế tường chắn đá hộc loại II bên trái tuyến từ Km0+53,78 đến Km0+126,28, từ Km0+190,44 đến Km0+254,44 với tổng chiều dài 136,50m.

+ Kết cấu tường chắn đá hộc loại II: Móng tường chắn xây bằng đá hộc VXM M100 dày 50cm trên lớp đệm móng đá dăm 2x4 đày 10cm. Gia cố móng tường chắn bằng cọc tre D6-8cm dài 2,0m với mật độ 25 cọc/m2. Thân tường chắn xây bằng đá hộc VXM M100. Đỉnh tường chắn xây tường hộ lan bằng BTXM M200 đá 1x2. Sơn hộ lan bằng sơn phản quang.

- Vuốt nối kết cấu giống kết cấu mặt đường.

(Các nội dụng khác theo như hồ sơ thiết kế kèm theo)

9. Danh mục tiêu chuẩn chủ yếu được lựa chọn:

- TCVN 10380:2014 - Đường giao thông nông thôn - yêu cầu thiết kế.
- TCCS 31:2020/TCĐBVN: Đường ô tô - Tiêu chuẩn khảo sát.
- TCCS 39:2022/TCĐBVN: Thiết kế mặt đường bê tông xi măng thông thường có khe nối trong xây dựng công trình giao thông;
- TCVN 9436:2012: Nền đường ôtô - Thi công và nghiệm thu;
- TCVN 4447:2012: Công tác đất - Thi công và nghiệm thu;
- TCVN 8859:2023: Lớp móng cấp phối đá dăm trong kết cấu áo đường ô tô - thi công và nghiệm thu;
- TCVN 5573:2011: Kết cấu gạch đá và gạch đá cốt thép – Tiêu chuẩn thiết kế;
- TCVN 5574-2012: Kết cấu bê tông và bê tông cốt thép-Tiêu chuẩn thiết kế;
- Quy chuẩn báo hiệu đường bộ QCVN41: 2024/BGTVT;
- Các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật và các văn bản pháp quy hiện hành khác có liên quan đến xây dựng công trình.

10. Tổng mức đầu tư xây dựng: **2.000.000.000 đồng,** *(Bằng chữ: Hai tỷ đồng./.).*

Trong đó:

- Chi phí xây dựng:	1.755.979.000	đồng;
- Chi phí quản lý dự án:	48.109.000	đồng
- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng:	162.960.000	đồng;
- Chi phí khác:	31.575.000	đồng;
- Chi phí dự phòng:	1.377.000	đồng.

11. Tiến độ thực hiện dự án: Năm 2026.

12. Nguồn vốn đầu tư và dự kiến bố trí kế hoạch vốn theo tiến độ thực hiện dự án:

- Nguồn vốn đầu tư: Ngân sách cấp trên hỗ trợ, ngân sách xã và các nguồn vốn hợp pháp khác.

- Dự kiến bố trí kế hoạch vốn theo tiến độ thực hiện dự án: Năm 2026 giao chỉ tiêu kế hoạch nhà nước năm 2026 là 2.000 triệu đồng.

13. Hình thức tổ chức quản lý dự án được áp dụng: Chủ đầu tư tổ chức thực hiện quản lý dự án theo quy định.

Điều 2. Các yêu cầu đối với Chủ đầu tư:

- Chịu trách nhiệm toàn diện về tính chính xác, tính pháp lý của hồ sơ trình phê duyệt;

- Tổ chức quản lý, thực hiện dự án theo các quy định hiện hành của nhà nước và UBND tỉnh về quản lý đầu tư xây dựng; sử dụng kinh phí tiết kiệm, hiệu quả; đảm bảo chất lượng công trình, đáp ứng tiến độ được phê duyệt;

- Khi triển khai dự án phải tổ chức nghiêm các biện pháp thi công, đảm bảo vệ sinh môi trường, an toàn trong quá trình thi công công trình.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng HĐND và UBND xã, Trưởng phòng Kinh tế và các tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ quyết định thi hành./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND xã;
- Kho bạc Nhà nước khu vực IV;
- Lưu: VT, KT.

TM. UỶ BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

U.B.N.D XÃ TIÊN HOA T.HƯNG YÊN

Vũ Quang Vinh